

## **BẢN TIN THÁNG 10/2023**

### **DỰ BÁO AN NINH NGUỒN NƯỚC THƯỢNG NGUỒN SÔNG MÊ CÔNG VỀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

#### **1. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC LƯU VỰC SÔNG MÊ CÔNG**

##### **1.1. Nguồn nước thượng lưu vực sông Mê Công**

Tổng lượng nước mùa kiệt trên dòng chính sông Mê Công từ Trung Quốc qua Chiang Saen, Lào – Viêng Chăn; vào Campuchia – Pakse, về châu thổ Mê công qua Kratie, và điều tiết từ biển hồ Tonle Sap qua Prekdam được đưa ra ở bảng dưới.

Bảng 1: So sánh tổng lượng dòng chảy các trạm chính và điều tiết từ biển hồ Tonle Sap đến hiện tại

Trạm	Đơn vị	Tổng dòng chảy trong tháng 9	Lũy tích đến tháng 9**	Khác biệt lũy tích dòng chảy so với một số năm cùng thời điểm				
				Năm TB	2022	2021	2019	2015
Chiang Saen	Tỷ m <sup>3</sup>	5,3	33,3	-17,9	-14,6	-8,1	-12,2	-17,7
Viêng Chăn	Tỷ m <sup>3</sup>	16,7	79,4	-23,7	-35,1	-5,3	18,3	-4,1
Pakse	Tỷ m <sup>3</sup>	51,7	175,9	-56,5	-30,0	18,0	-18,2	-9,9
Kratie	Tỷ m <sup>3</sup>	73,7	233,0	-44,7	-33,6	38,0	-11,7	27,7
Biển hồ*	Tỷ m <sup>3</sup>	-13,9	-13,5	17,2	14,7	-2,5	11,7	-0,6

Ghi chú: '\*' tổng lượng trừ hiện tại của Biển hồ, dấu '-' là chảy vào

\*\*\* lượng tích lũy được tính từ tháng 01

Tổng lượng dòng chảy trong tháng 9 về đồng bằng qua Kratie và điều tiết biển hồ vào khoảng 59,9 tỷ m<sup>3</sup>. Trong đó, đóng góp dòng chảy từ thượng nguồn Trung Quốc vào khoảng 9%, đóng góp dòng chảy khu vực Đông Bắc Thái Lan và Lào tính đến Pakse vào khoảng 58%. Đóng góp từ khu vực Tây Nguyên và Campuchia tính đến Kratie là 27%. Đóng góp từ biển hồ Tonle Sap là -23%.

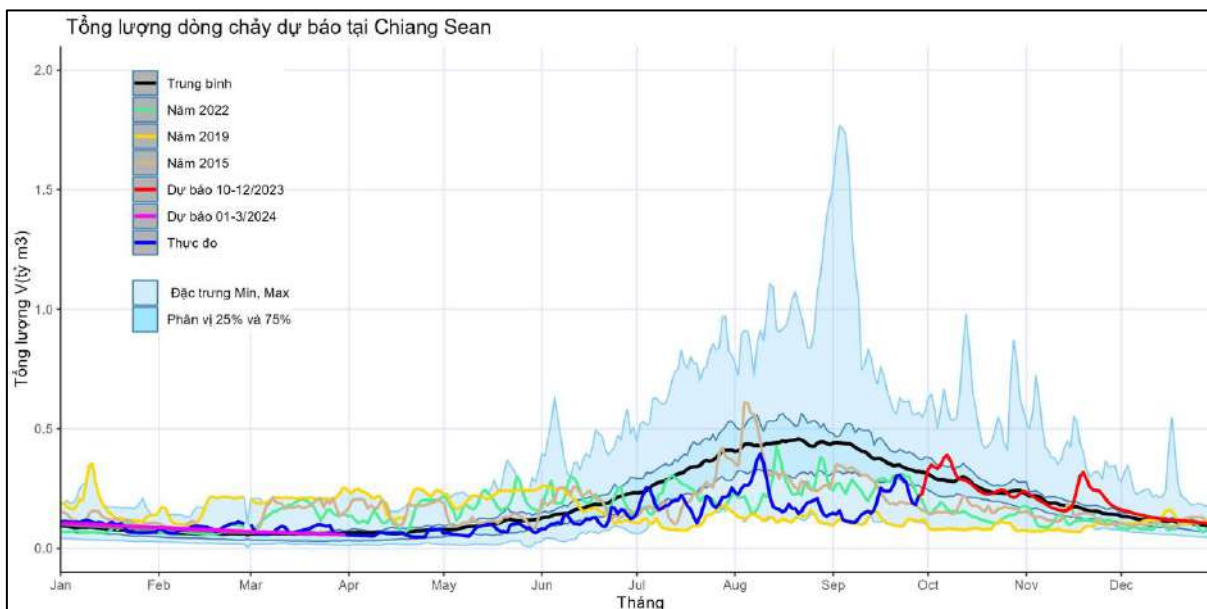
Tính đến thời điểm hiện tại, nguồn nước đóng góp chủ yếu từ thượng nguồn qua trạm Kratie. Hiện tại, dòng chảy tất cả các trạm bao gồm: Chiang Saen, Viêng Chăn, Pakse, Kratie và Prekdam chỉ ở mức tương đương hoặc dưới trung bình nhiều năm.

Trong tháng 9, xả nước từ thủy điện Cảnh Hồng xuống hạ lưu dao động phổ biến trong khoảng từ 1.262 m<sup>3</sup>/s đến 3.557 m<sup>3</sup>/s. Tổng dung tích hồ chứa tính đến ngày 29/9 đã tích được khoảng 70,2% tổng dung tích hữu ích.

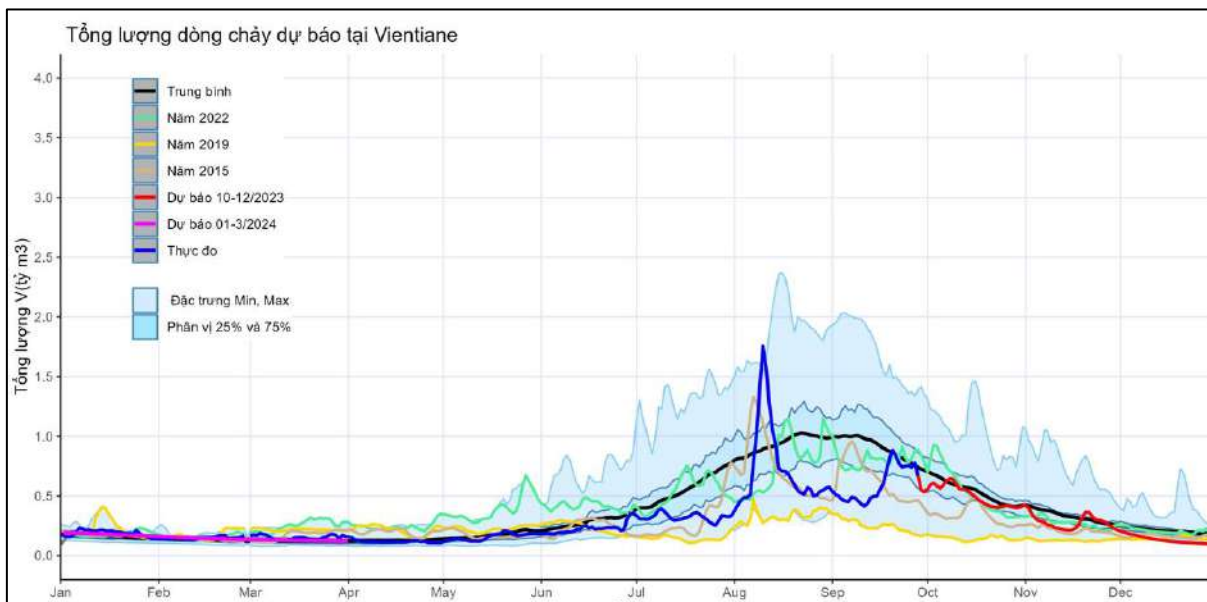
Trong đó các hồ ở Trung Quốc đã tích được 61,7%, Lào là 83,8%, Việt Nam khoảng 69%, Campuchia khoảng 74%, Thái Lan khoảng 70%. Do hoạt động tích nước của các hồ chứa nên ảnh hưởng đến dòng chảy ở hạ lưu. Đặc biệt là hồ Nọa Trác Độ

tổng dung tích hữu ích khoảng 12,2 tỷ m<sup>3</sup>, nhưng hiện tại chỉ khoảng 4,2 tỷ m<sup>3</sup> và lượng thiếu hụt gần bằng với tổng lượng dòng chảy mùa kiệt tại Chiang Saen (tổng dòng chảy mùa kiệt từ tháng 12-4 xấp xỉ 12 tỷ). Dự báo trong các tháng tiếp theo hệ thống hồ chứa sẽ tiếp tục tích nước.

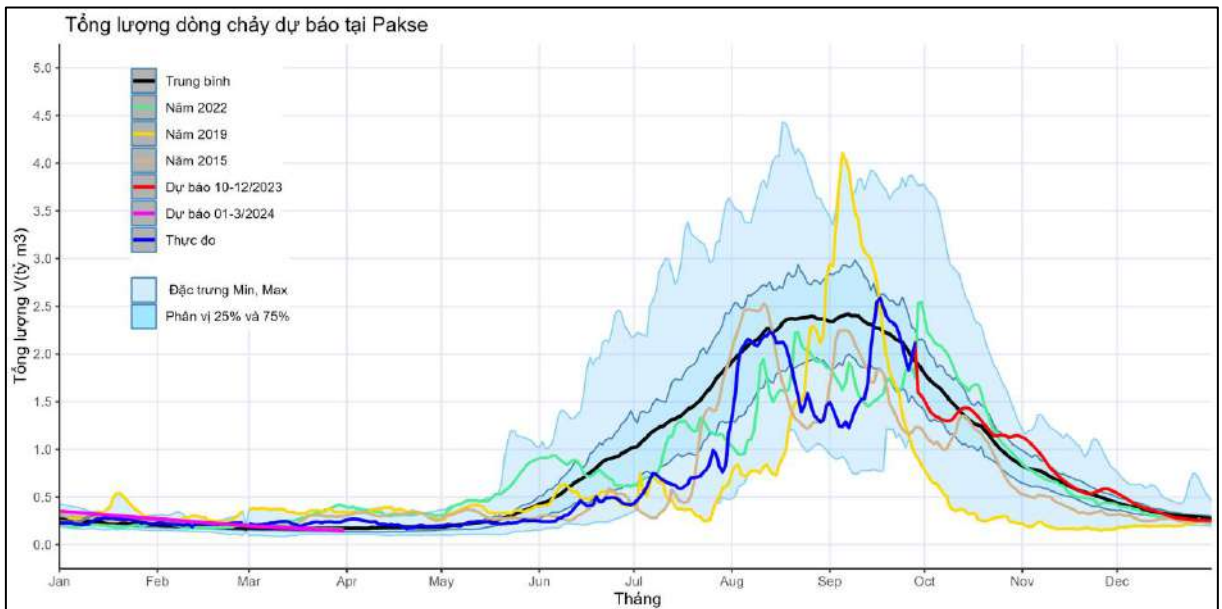
Biểu đồ mực nước trên dòng chính Mê Công tại Chiang Saen, Viêng Chăn, Pakse, Kratie và Biển hồ Tonle Sap đến hiện nay và so sánh với đặc trưng mực nước qua một số năm Hình 1 đến Hình 5:



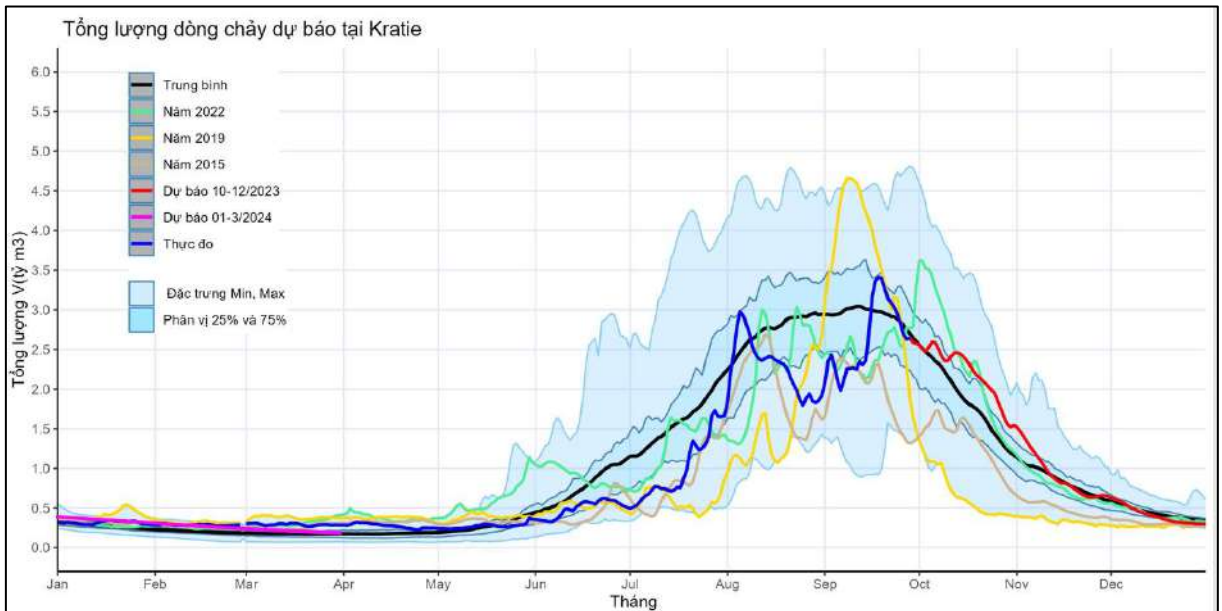
Hình 1. Diễn biến lưu lượng tại Chiang Saen – Thái Lan



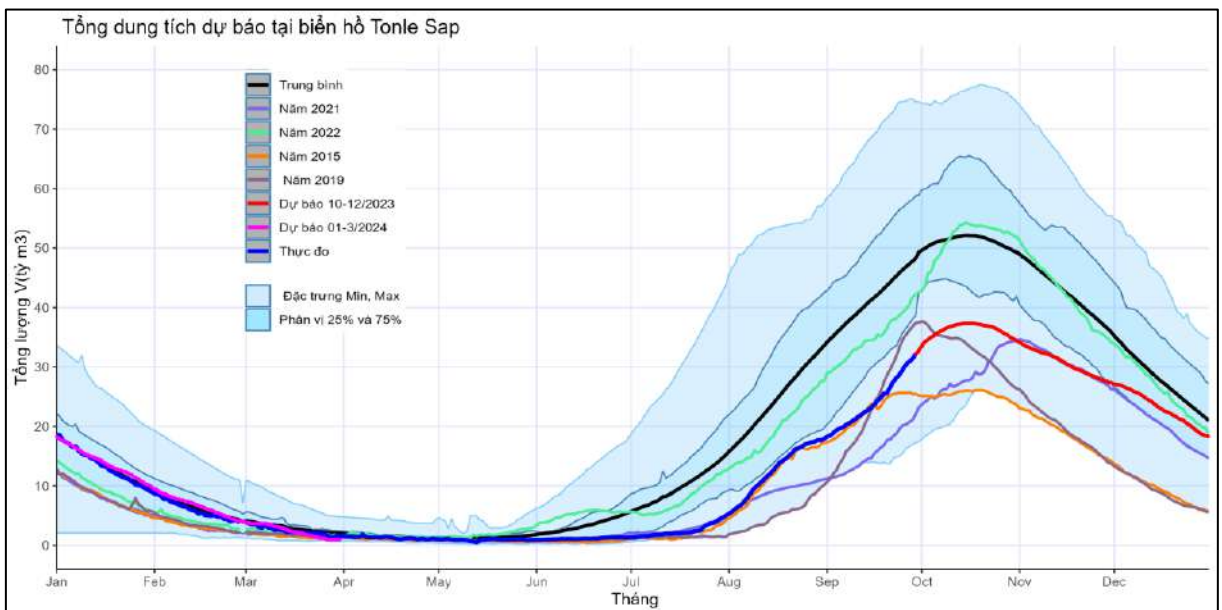
Hình 2. Diễn biến lưu lượng về qua trạm Viêng Chăn – Lào



Hình 3. Diễn biến lưu lượng về qua trạm Pakse – Campuchia



Hình 4. Diễn biến lưu lượng về qua trạm Kratie – đầu nguồn châu thổ Mê Công



Hình 5. Diễn biến lưu lượng trạm Prek Kdam - Biển hồ, cập nhật ngày 28/9/2023

## 1.2. Diễn biến mưa trên lưu vực

Tổng lượng mưa tích lũy cuối tháng 9 năm 2023 (từ 01/01 đến 28/9) trong lưu vực biến đổi từ 672-2.247 mm. Trong đó, khu vực Bắc Lào từ Chiang Saen đến Vientiane có tổng lượng mưa lũy tích khoảng 682-1.980 mm, nhỏ hơn trung bình nhiều năm (TBNN) khoảng 16-50%, lượng mưa ít nhất là tại Chiang Sean khoảng 682 mm. Khu vực Trung Lào, từ Nong Khai tới Pakse vào Campuchia, mưa lũy tích hiện tại lớn hơn TBNN khoảng 14%-45%; Phía Bắc Campuchia tại Stung Treng có lượng mưa lớn nhất, khoảng 2.011 mm lớn hơn TBNN khoảng 57%. Khu vực về châu thổ sông Mê Công vào qua Kratie đến Biển Hồ tại Prek Kdam có tổng lượng mưa lũy tích thấp khoảng 672-1.041 mm nhỏ hơn hoặc bằng trung bình nhiều năm khoảng 25-31%.

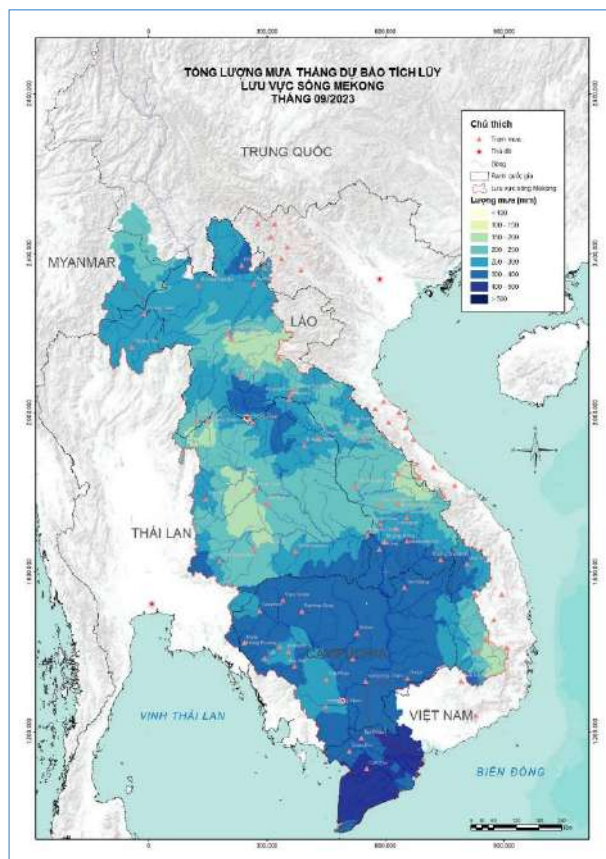
So với năm 2022, tổng lượng mưa lũy tích cùng kỳ hiện tại có xu thế chung nhỏ hơn khoảng 5-55%. Trong đó, tổng lượng mưa tại Chiang Saen nhỏ hơn năm 2022 khoảng 55%, từ Chiang Saen đến Vientiane có lượng mưa lũy tích nhỏ hơn năm 2022 khoảng 12-23%, khu vực Trung Lào tới Savanaket có mưa lũy tích lớn hơn khoảng 0-21%, khu vực Nam Lào tới Campuchia và Biển Hồ nhỏ hơn khoảng 5-49%.

So sánh với năm 2021, lượng mưa lũy tích tới nay tại Chiang Saen nhỏ hơn năm 2021 khoảng 50%. Khu vực Biển hồ tại Prek Kdam nhỏ hơn năm 2021 khoảng 41%. Các khu vực còn lại có xu thế tăng lớn hơn năm 2021 khoảng 0-63%, trong đó trạm Nong Khai có lượng mưa tăng lớn nhất khoảng 63% so với năm 2021.

Tổng lượng mưa từng tháng trên toàn lưu vực có sự chênh lệch lớn. Từ tháng 1 đến tháng 3 hầu như không có mưa, trong đó khu vực Campuchia tháng 3 không có mưa. Bước sang tháng 4, khu vực từ Nakhon Phanom đến Stung Treng bắt đầu có mưa, lượng mưa biến đổi từ 40-118 mm. Từ tháng 5 đến tháng 9 lưu vực Mê Công bắt đầu vào mùa mưa, trong đó tháng 7-8 có lượng mưa lớn nhất và phân bố đều trên toàn lưu vực biến đổi từ 264-512 mm.

Bảng 2: Tổng lượng mưa tháng TBNN và mưa lũy tích tại các trạm dòng chính

Tên trạm	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	Từ 01/01 đến nay (mm)	So sánh lũy tích cùng kỳ (+/-%)		
											TBNN	Năm 2022	Năm 2021
CheangSaen	16	14	19	60	147	208	247	338	314	682	-50%	-55%	-50%
Luang prabang	14	19	46	98	150	177	238	293	156	1.169	-2%	-12%	7%
Vientiane	5	17	43	80	216	286	265	348	270	1.288	-16%	-23%	11%
Nongkhai	13	16	26	56	141	253	231	305	327	1.980	45%	7%	63%
Nakhon Phnom	16	13	32	68	148	283	369	512	388	2.247	23%	21%	25%
Mukdahan	20	10	22	54	124	194	228	340	288	1.523	19%	0%	16%
Savannakhet	4	18	41	64	181	218	272	318	225	1.627	21%	16%	17%
Pakse	2	4	24	65	196	267	391	438	325	1.954	14%	-24%	38%
Stung treng	4	10	28	111	176	164	253	269	267	2.011	57%	-5%	21%
Kratie	4	5	26	95	212	227	268	256	298	1.041	-25%	-32%	0%
Prek Kdam	4	3	16	54	144	156	177	173	240	672	-31%	-49%	-41%



Hình 6. Bản đồ lũy tích lượng mưa trên lưu vực Mê Công tháng 9/2023

## 2. DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THÁNG TIẾP THEO

### 2.1. Nguồn nước thượng lưu về Đồng bằng sông Cửu Long

Dự báo, trong tháng 10 dòng chảy phụ thuộc chủ yếu vào nguồn nước từ mưa, ảnh hưởng của các điều kiện thời tiết cực đoan như bão, áp thấp nhiệt đới. Dự báo tổng lượng dòng chảy qua các trạm như bảng dưới.

Bảng 3: Dự báo tổng lượng dòng chảy Tháng 10 so với đặc trưng một số năm các trạm trên dòng chính mê công

Trạm	Đơn vị	Dự báo tổng dòng chảy trong tháng 10	Khác biệt lũy tích dòng chảy so với một số năm cùng thời điểm				
			Năm TB	2022	2021	2019	2015
Chiang Saen	Tỷ m <sup>3</sup>	8,6	0,4	4,2	5,0	5,9	3,5
Viêng Chăn	Tỷ m <sup>3</sup>	17,9	1,3	1,4	8,0	13,4	7,6
Pakse	Tỷ m <sup>3</sup>	40,0	-0,4	-9,4	10,3	28,0	8,3
Kratie	Tỷ m <sup>3</sup>	68,3	10,4	-5,0	12,1	46,9	26,9

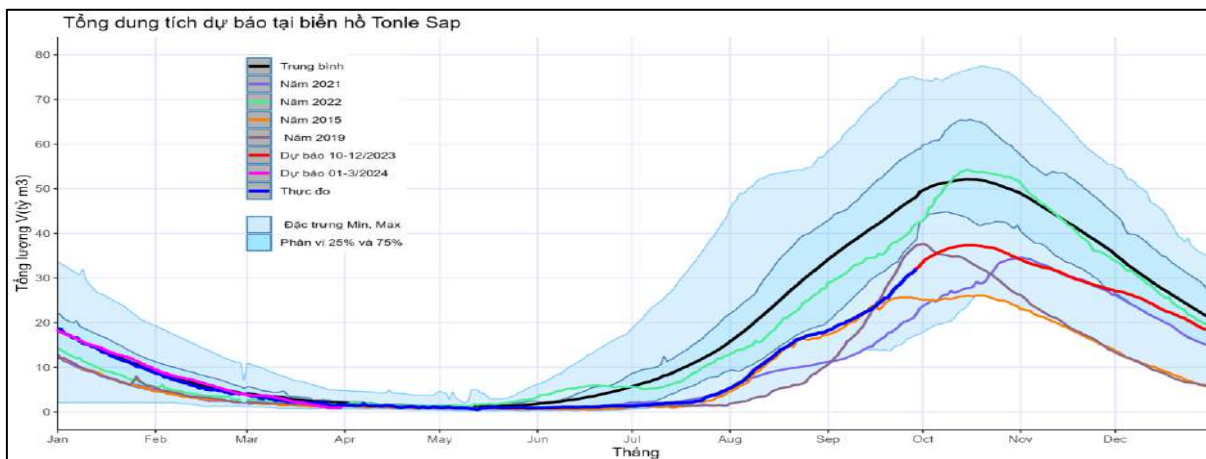
Theo dự báo cập nhật ngày 15/9 của IRI, điều kiện El Niño ở vùng xích đạo Trung đông Thái Bình Dương vẫn còn tiếp tục. Điều kiện El Niño vẫn tiếp tục diễn ra trong mùa đông và đầu mùa xuân năm 2024 (xác suất xảy từ tháng 10 đến tháng 2/2024 khoảng 90-99%, từ tháng 3 đến tháng 4/2024 khoảng 60-80%) , sau đó có suy yếu và ENSO – trung tính có nhiều khả năng xảy ra nhất vào tháng 5 đến tháng 7 năm 2024 (xác suất khoảng 57%).

Tổng lượng mưa lũy tích dự báo cuối mùa lũ từ tháng 10/2023 khu vực từ Chiang Saen có xu thế giảm so với TBNN khoảng 31%, khu vực Vientiane tăng 42% so với

TBNN, khu vực Pakse tăng 36% so với TBNN, khu vực Kratie cho tới Biển hồ Campuchia tổng lượng mưa lũy tích có xu thế tăng lên so với TBNN khoảng 7-8%.

## 2.2. Dòng chảy từ Biển hồ Tonle Sap

Biển hồ Tonle Sap vào giai đoạn tích nước. Lượng trữ Biển Hồ đến cuối tháng 10 dự báo vào khoảng 30-33 tỷ m<sup>3</sup>.



Hình 7. Biểu đồ dự báo dung tích biển hồ Tonle Sap đến 29/10/2023

## 2.3. Đánh giá khả năng thừa/thiếu nước so với cùng thời kỳ

Dự báo tổng lượng dòng chảy về đồng bằng trong tháng 10 qua Kratie và Điều tiết biển hồ là 64,9 tỷ m<sup>3</sup>, nhu cầu nước bình quân trên đồng bằng trong tháng vào khoảng 0,42 tỷ m<sup>3</sup>. Đánh giá an ninh nguồn nước ở mức 3 – trung bình; dòng chảy về ĐBSCL đáp ứng đủ cho các hoạt động sản xuất và dân sinh tuy nhiên phụ thuộc lớn vào nguồn nước bên ngoài.

Bảng 4: Đánh giá an ninh nguồn nước về đồng bằng tháng 10

Nguồn	Đơn vị	Tổng lượng dòng chảy dự báo	So sánh với một số năm				
			Năm TB	2022	2021	2019	2015
Kratie	Tỷ m <sup>3</sup>	68,3	10	-5	12	47	27
Biển hồ*	Tỷ m <sup>3</sup>	-3,4	2,7	-5,3	-7,2	14,7	5,1
Nhu cầu nước trên đồng bằng	Tỷ m <sup>3</sup>	0,42	0,09	0,01	0,14	0,22	0,17
ANNN		3					

Ghi chú: “\*” tổng lượng trữ của Biển hồ, dấu ‘-’ biểu thị Biển hồ tích nước

Mức độ ANNN:

1	2	3	4	5
Rất thấp	Thấp	Trung bình	Cao	Rất cao

## VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM

### Ghi chú :

- Việc dự báo nguồn nước thượng nguồn đang được thực hiện tại Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam theo sự phân giao nhiệm vụ của Bộ. Bản tin dự báo sẽ được tiếp tục cập nhật hàng tháng trên Website: <http://www.siwrr.org.vn>
- Khi cần liên hệ gấp, xin vui lòng gọi tới: 1) Ông Trần Minh Tuấn (di động: 0913 888 478); 2) Ông Tô Quang Toàn (di động: 0918 000 377)/.